TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày: 25/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hải.
2. Ông Nguyễn Thành.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký TAND huyện Cần Đước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 25/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 30/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HS ngày 06/9/2019, đối với các bị cáo:

1. **Võ Thanh N**, sinh năm1992. Nơi cư trú: 450/7 D, Phường 1, Quận 8. Tp.HCM; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Võ Văn M (đã chết) và bà Thân Thị H.

Tiền án: Tại Bản án số 240/2016/HS-ST ngày 27/9/2016, TAND Quận 8 – Tp.HCM, đã xử phạt 02 năm tù về hành vi " Cướp giật tài sản". Chấp hành xong ngày 11/11/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/7/5015 bị Chủ tịch UBND Quận 7 – Tp.HCM ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại địa phương cư trú, thời hạn 24 tháng kể từ ngày 28/8/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thanh T, s**inh năm: 1978. Nơi cư trú: 432B/8F, D, Phường 1, Quận 8. Tp.HCM. Nghề nghiệp: làm mướn; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Mạnh L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ Trần Thị Bích T, con 01 người sinh năm 2000. Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 90/2016/HS-ST ngày 29/8/2016, TAND thành phố T – tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về hành vi " Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 03/9/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: 432B/8F, D, Phường 1, Quận 8. Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thanh N với Nguyễn Thanh T đều có 01 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng chưa được xóa án tích thì tiếp tục phạm tội mới, cụ thể: Ngày 06/6/2019, N rủ T đi chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì được T đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/6/2019, T sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia N1280 màu đen gọi N hỏi "có qua không" và N trả lời "có". Sau đó, T điều khiển xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 59L1-846.86 (của vợ T tên Trần Thị Bích T) chở N và đem theo 01 túi xách màu đen bên trong có 01 kìm cộng lực đi từ Quận 8, Tp, Hồ Chí Minh xuống địa bàn huyện C. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, cả hai đi đến khu vực Ngã tư C, thuộc ấp M, xã M phát hiện 01 xe ba gát gắn máy, biển kiểm soát 61L6 - 8332 của anh Nguyễn Thanh N được khóa bằng dây xích và ổ khóa, T dừng xe lại đứng bên ngoài cảnh giới còn N cầm giỏ xách đi lại chổ xe ba gát máy và dùng kìm cộng lực cắt đứt dây xích và khoen ổ khóa. Sau khi thực hiện xong, N lấy kìm cộng lực, sợi dây xích và ổ khóa bỏ vào giỏ xách đi lại đưa cho T, N quay lại đẩy xe ra ngoài chổ T và T dùng xe mô tô đẩy đi được một đoạn. Lúc này, Công an xã M đi tuần tra phát hiện và bắt giữ N cùng với tang vật, còn T chạy thoát.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2019 và số 26/KL-HĐĐGTS ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cần Đước kết luận giá trị 01 (một) xe ba gát máy BKS 61L6-8332 là 25.200.000 đồng; giá trị 01 ổ khóa Việt Tiệp và 01 sợi dây xích bằng kim loại là 49.000 đồng. Tổng cộng giá trị là 25.249.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T khai nhận hành vi như trên và xác định những lời khai của các bị cáo đã khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Đước là do các bị cáo tự khai ra; không bị bất kỳ ai hướng dẫn, ép cung hay bức cung để khai nhận hành vi phạm tội; lời khai của các bị cáo đúng với diễn biến của sự việc mà các bị cáo đã gây ra đối với người bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án chị Trần Thị Bích T trình bày: Chị T là vợ của bị cáo T, xe mô tô Honda Vision biển số 59L1-846.86 do chị đứng tên và là tài sản của riêng chị. Hàng ngày xe này do chị quản lý sử dụng, thỉnh thoảng bị cáo T có đi công việc gì thì hỏi mượn chị. Ngày 06/6/2019, bị cáo T tự ý lấy xe đi và sau đó trả xe lại cho chị, chị không biết bị cáo T sử dụng xe vào việc phạm tội và Công an đã

trả lại xe cho chị nên hiện tại chị không có yêu cầu gì. Đối với 02 (hai) áo mưa thuộc quyền sở hữu của chị T nhưng chị T không yêu cầu trả lại.

Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về Kết luận định giá của Hội đồng định giá đối với tài sản bị thiệt hại trong vụ án.

Bản cáo trạng số: 32/QĐ-KSĐT ngày 29/8/2019, của VKSND huyện C, đã truy tố các bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã truy tố của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Võ Thanh N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Nguyễn Thanh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Các bị cáo không có thu nhập, nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) kìm công lực màu vàng; 01 (một) sợi dây xích bằng kim loại màu trắng, dài 70 cm, bị cắt đứt một đầu; 01 (một) ổ khóa Việt Tiệp màu vàng bị cắt đứt khoen khóa; 01 (một) giỏ xách màu đen, 02 (hai) áo mưa, 01 (một) cuộn băng keo đen, 01 (một) chai keo dán nhựa. Tịch thu sung công quỹ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia N1280 màu đen.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến.

Các bị cáo không tranh luận, đồng ý với tội danh như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Đước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét: Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước. Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nhau; phù hợp với Đơn trình báo và lời khai của người bị hại; Biên bản khám nghiệm hiện trường, các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; vật chứng đã thu giữ, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận rằng:

Các bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu xài nên khoảng 03 giờ ngày 07/6/2019, Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T chạy xe đến khu vực ấp M, xã M, huyện C phát hiện 01 xe ba gát gắn máy, biển kiểm soát 61L6 - 8332 của anh Nguyễn Thanh N, bị cáo N dùng kìm cộng lực cắt đứt dây xích, khoen ổ khóa và dùng xe mô tô đẩy xe ba gát gắn máy được một đoạn thì bị Công an xã M phát hiện và bắt giữ. Các bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T chiếm đoạt tài sản của người bị hại là thể hiện sự lén lút, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 25.249.000đồng được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và được quy định như sau: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tại không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

Như vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước đã truy tố bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản chất lười lao động, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên các bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi của các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh Nguyễn Thanh N, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo cũng nhận biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm. Các bị cáo cũng nhận biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo bất chấp chứng tỏ các bị cáo đã xem thường pháp luật. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với từng bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét, đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự câu kết, phân công chặt chẽ. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cần phải xem xét như sau:

Bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T đều là người có nhân thân xấu, từng bị Tòa án kết án về tội chiếm đoạt tài sản nhưng không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo N là người chủ động rủ rê bị cáo T và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; còn bị cáo T là người chuẩn bị phương tiện công cụ thực hiện, là người cảnh giới và với vai trò là người giúp sức tích cực. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo thì mức hình phạt đối với bị cáo N phải cao hơn bị cáo T.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T gia đình thuộc hộ cận nghèo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T có 01 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản, nay tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng"*. Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Từ những phân tích đánh giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt, loại hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng nên ghi nhận, xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Xét thấy các vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) kìm công lực màu vàng; 01 (một) sợi dây xích bằng kim loại màu trắng, dài 70 cm, bị cắt đứt một đầu; 01 (một) ổ khóa Việt Tiệp màu vàng bị cắt đứt khoen khóa; 01 (một) giỏ xách màu đen, 02 (hai) áo mưa, 01 (một) cuộn băng keo đen, 01 (một) chai keo dán nhựa, không còn có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia N1280 màu đen là phương tiện bị cáo sử dụng liên lạc với nhau, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7]. Đối với xe mô tô mang biển số 59L1-846.86 qua lời khai của chị Trần Thị Bích T là vợ của bị cáo T trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng: xe này thuộc sở hữu riêng của chị T và chị T không có lỗi trong việc bị cáo T phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại xe cho chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Võ Thanh N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Riêng bị cáo Nguyễn Thanh T có xác nhận gia đình thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí cho bị cáo T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Thanh N và Nguyễn Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh N 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 07/6/2019.

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 11/6/2019.

3. Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Thanh N mỗi bị cáo 45 (Bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2019 để đảm bảo việc thi hành án.

4. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Võ Thanh N, Nguyễn Thanh T.

5. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) kìm công lực màu vàng; 01 (một) sợi dây xích bằng kim loại màu trắng, dài 70 cm, bị cắt đứt một đầu; 01 (một) ổ khóa Việt Tiệp màu vàng bị cắt đứt khoen khóa; 01 (một) giỏ xách màu đen, 02 (hai) áo mưa, 01 (một) cuộn băng keo đen, 01 (một) chai keo dán nhựa.

- Tịch thu sung công quỹ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia N1280 màu đen.

Tất cả các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKS ngày 29/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước.

6. Án phí:

Căn cứ: Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Võ Thanh N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Thanh T.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

8. Về quyền yêu cầu thi hành án: "Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Công an huyện Cần Đước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Nhung